

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh
trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh
giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh có diện tích tự nhiên khoảng 3.845 km², với 222,118 km đường biên giáp nước CHDCND Lào; dân số tính đến 31/12/2021 là 45.400 người (chiếm 4,98% dân số toàn tỉnh). Riêng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung theo cộng đồng ở 15 xã và 3 bản trên địa bàn các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy, với 27.004 người (chiếm 2,96% dân số toàn tỉnh); trong đó: Dân tộc Bru - Vân kiều có 19.209 khẩu, gồm các tộc người: Vân kiều, Khùa, Ma Coong, Trì; Dân tộc Chứt có 7.064 người, gồm các tộc người: Sách, Rục, A rem, Mày, Mã Liềng; còn lại là các dân tộc thiểu số khác, như: Mường, Thổ, Tày, Nùng, Thái,... với 177 người. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của tỉnh.

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Bộ mặt vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi đã có nhiều khởi sắc; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu đã được quan tâm đầu tư; đời sống của đồng bào được cải thiện nhiều so với trước. Một bộ phận đồng bào bước đầu biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất mang lại hiệu quả khá. Giáo dục, đào tạo được quan tâm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, học sinh đỗ đại học tăng cao; công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân được chú trọng. Bà con quan tâm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp và tiến bộ của các dân tộc. Hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi từng bước được củng cố, kiện toàn. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường, đồng bào tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Tuy vậy, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi phát triển còn chậm, lạc hậu; trình độ, năng lực sản xuất thấp; kinh tế hàng hoá chưa phát triển; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao (hộ nghèo chiếm tỷ lệ 69,52%), kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững; chất lượng nguồn nhân lực yếu. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu, hiện nay vẫn còn 33 bản chưa có điện lưới quốc gia; 30 thôn, bản đường giao thông đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; 40 thôn, bản chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng còn tạm bợ, xuống cấp; trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của bà con còn thấp, một số tập tục lạc hậu vẫn còn tồn tại. Hệ thống chính trị cơ sở chưa thực sự vững mạnh toàn diện. An ninh trật tự vùng miền núi, biên giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Tình hình trên có nguyên nhân là do địa bàn sinh sống có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt; khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và tiến bộ khoa học, kỹ thuật của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa đáp ứng nhu cầu; việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư chưa phát huy tốt hiệu quả; còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức, thiếu sâu sát trong chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Trình độ và năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi đảm bảo tính hài hòa, nằm trong tổng thể phát triển chung của tỉnh. Tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết trong đời sống của đồng bào; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về phát triển, mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc là nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà trước hết là về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Huy động, thu hút, phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững, trong đó, nguồn lực của Nhà nước là quan trọng, có ý nghĩa quyết định, dẫn dắt. Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách của Trung ương; nghiên cứu ban hành chính sách của địa phương để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi của tỉnh.

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, hệ động thực vật, đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo vệ và phát triển rừng. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi gắn với giữ gìn và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đảm

bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của tỉnh; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; chăm lo giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao chất lượng, tỷ lệ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc đi đôi với xóa bỏ hủ tục lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, đảm bảo an ninh trên tuyến biên giới, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường và củng cố quốc phòng - an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 4% trở lên.

- Có 49 thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phần đầu 80% thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- Phần đầu có 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Phần đầu 90% gia đình, 85% thôn, bản đạt danh hiệu văn hóa; 100% thôn, bản có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 80% đạt chuẩn; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi có 90% trở lên đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị và 80% trở lên đạt trình độ trung cấp chuyên môn, phần đầu 70% đạt trình độ đại học chuyên môn; các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã: 100% đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị và 80% đạt trình độ đại học chuyên môn.

2.3. Định hướng đến năm 2030

Tiếp tục thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi so với bình quân chung của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận và thụ hưởng tốt các dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục; tiếp tục nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm từng bước phát triển bền vững và hội nhập; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 50% bình quân chung của tỉnh; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 30%; trên 60% số thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; trên 80% người dân được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ; trên 95% cán bộ, công chức cấp xã đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị và 85% trở lên đạt trình độ trung cấp chuyên môn, phần đầu 80% đạt trình độ đại học chuyên môn; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo quy định; giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số; quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh

Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của cấp ủy và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Tích cực tuyên truyền, vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

Cấp ủy cấp trên cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng trực thuộc bằng các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở cơ sở, nhất là những địa bàn, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Tập trung củng cố tổ chức đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo có mặt còn hạn chế, đảng viên ít. Quan tâm phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số; không để xảy ra tình trạng không có tổ chức đảng và đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Tổ chức tốt các mô hình tự quản tại cộng đồng; biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

2. Khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển kinh tế bền vững

2.1. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

- Thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở các vùng bị sạt lở, vùng có nguy cơ sạt lở, ngập lụt, lũ quét. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt và tranh chấp, khiếu kiện về đất đai. Đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư gắn với quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát. Tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào.

- Lập quy hoạch ngành, lĩnh vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân; tạo cơ sở để phân bố không gian phát triển, thu hút các nguồn lực đầu tư. Quy hoạch các công trình hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội mang tính lưỡng dụng, gắn với công tác bảo vệ chủ quyền, bảo đảm quốc phòng - an ninh khi có tình huống. Tổ chức quản lý, thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt gắn với thu hút nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh và các thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, hiệu quả thấp. Có chính sách kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, hỗ trợ nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm; hỗ trợ chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Phát triển kinh tế

2.2.1. Phát triển nông nghiệp

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp; nâng cao năng lực sản xuất của người dân; hỗ trợ người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, các dịch vụ sản xuất. Hình thành

và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, giá trị cao, tạo dựng thương hiệu. Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, kinh tế vườn, rừng; kinh tế trang trại, gia trại. Phấn đấu giai đoạn 2022 - 2025, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 4 - 5%/năm.

- Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp, nâng cao giá trị kinh tế rừng trồng, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác giao đất, giao rừng cho người dân sản xuất. Xây dựng chương trình cụ thể trồng các loại cây dược liệu phù hợp dưới tán rừng.

- Xây dựng nông thôn mới thôn, bảo đảm bảo thực chất, hiệu quả gắn với nâng cao thu nhập người dân.

2.2.2. Đẩy mạnh phát triển du lịch ở những nơi có tiềm năng, lợi thế; phát triển các ngành dịch vụ

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử... phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, đảm bảo phát triển theo hướng bền vững.

- Phát triển các khu, điểm du lịch cộng đồng trên cơ sở tài nguyên thiên nhiên gắn với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đầu tư, nâng cấp các chợ trung tâm xã, liên xã hoạt động hiệu quả. Liên kết trong tiêu thụ hàng hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Thực hiện tốt chính sách thương mại ưu đãi, cung ứng hàng hóa thiết yếu cho người dân. Phát triển các loại hình dịch vụ: Thông tin, truyền thông, vận tải,... phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

2.2.3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn

Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, nhất là các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản. Phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với quy mô, trình độ công nghệ thích hợp, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống gắn với sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu.

2.2.4. Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng

- Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi kết nối với các tuyến giao thông của tỉnh và quốc gia. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng lưới điện và các nguồn điện khác phù hợp; kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên; xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tại các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống y tế tuyến huyện và tuyến xã; xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao, truyền thanh cơ sở, ưu tiên trước cho các vùng dân cư tập trung, có điểm du lịch; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản kết hợp nhà tránh lũ. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, kiên cố các công trình bảo đảm cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt. Xây dựng

đường vành đai biên giới, các đồn biên phòng, xây dựng tuyến đường kết hợp kinh tế quốc phòng.

- Kêu gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực đầu tư phát triển các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có quy mô lớn, mang tính động lực tại khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, Núi U Bò, các khu vực có tài nguyên du lịch lớn dọc đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, quốc lộ 12A để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với đảm bảo an ninh biên giới, nâng cao đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi.

3. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội

3.1. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi; nâng cao chất lượng dạy và học của trường dân tộc nội trú, bán trú. Hỗ trợ việc ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh, sinh viên địa bàn đặc biệt khó khăn, giảm thiểu tình trạng học sinh bỏ học.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Quy hoạch, đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trước mắt và lâu dài; đảm bảo tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định. Tập trung bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ các cấp; chú trọng đào tạo cán bộ, học sinh người dân tộc thiểu số gắn với vị trí việc làm. Luân chuyển cán bộ trẻ, có năng lực về công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Thực hiện tốt chính sách về tuyển dụng theo quy định của Trung ương đối với người dân tộc thiểu số. Tiếp tục dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ để đáp ứng yêu cầu công tác.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động, phát triển các mô hình sinh kế mới. Hỗ trợ lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Xây dựng Đề án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030; phấn đấu mỗi năm đưa 50 - 100 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

3.3. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em

Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường đội ngũ y bác sỹ, nhân viên y tế cho tuyến y tế cơ sở vùng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh. Đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản cho đối tượng vị thành niên. Tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng; chú trọng phòng, chống các loại dịch bệnh, thanh toán các bệnh truyền nhiễm. Có biện pháp quyết liệt để xoá bỏ tình trạng tảo hôn, chấm dứt sớm hôn nhân cận huyết thống.

3.4. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc

- Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người dân. Tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hoá; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hoá.

- Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, chính sách về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, bản, cơ quan văn hóa gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp hài hòa giữa các giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị văn hóa hiện đại; bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

3.5. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

- Thực hiện toàn diện, đồng bộ và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế theo hướng tăng đầu tư gián tiếp, hạn chế hỗ trợ trực tiếp; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người dân. Thực hiện tốt việc giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư đối với từng dự án, chương trình, đề án thực hiện trên địa bàn.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại của người dân. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân cập nhật kiến thức, kỹ năng về sản xuất và tổ chức đời sống, sử dụng hiệu quả các điều kiện tại chỗ, các nguồn lực hỗ trợ từ Nhà nước và cộng đồng để sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững. Kịp thời tôn vinh, biểu dương những hộ vươn lên thoát nghèo; các tổ chức, cá nhân có đóng góp giúp đỡ các hộ thoát nghèo.

4. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng các loại khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên đất, nước khu vực biên giới, miền núi bảo đảm ổn

định điều kiện sinh hoạt, môi trường sống của đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động thực hiện có hiệu quả phương án phòng, chống lũ, sạt lở núi; phòng, chống cháy rừng. Huy động nguồn vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu để thực hiện các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.

- Thường xuyên tổ chức điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai, cập nhật, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường, nhất là đối với các dự án liên quan đến việc thu hẹp, chuyển đổi đất rừng tự nhiên ở khu vực miền núi; có giải pháp phù hợp để phục hồi và phát triển rừng tự nhiên. Tăng cường nguồn lực về phương tiện, thiết bị, lực lượng chuyên nghiệp bảo đảm các yêu cầu cơ bản trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với sự cố thiên tai.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh hiệu quả với âm mưu “diễn biến hòa bình” lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Thường xuyên tuyên truyền, thông tin để người dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh; tăng cường quản lý tuyến biên giới. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia”. Rà soát, kiện toàn, củng cố lực lượng biên phòng, công an, dân quân tự vệ xã, tổ an ninh nhân dân và lực lượng nòng cốt của các đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm hoạt động gắn kết đồng bộ, phối hợp tốt trong việc nắm tình hình vận động quần chúng; kịp thời xử lý hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra “điểm nóng”, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, buôn bán người, ma túy, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở khu vực biên giới. Tăng cường quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai bên biên giới. Đặc biệt, thực hiện chương trình kết nghĩa “bản - bản” hai bên biên giới, tạo điều kiện phát triển kinh tế, giao thương giữa bà con nhân dân hai nước Việt Nam - Lào vùng biên giới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy và cấp ủy, tổ chức đảng các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh tổ chức phổ biến, quán triệt, đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh nghiên cứu, rà soát, ban hành chính sách thực hiện Nghị quyết phù hợp với thực tế của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Nghị quyết này. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, nghị quyết về công tác dân tộc và Nghị quyết này, chủ động giám sát việc triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tích cực tham gia, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng các chuyên đề, chuyên mục tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về Nghị quyết, các mô hình hay, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh.

6. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh nghiên cứu, có chính sách cụ thể phát triển nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi của tỉnh mang tính tổng thể, dài hạn.

7. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các ban và Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ủy ban Dân tộc,
- Vụ Tổng hợp, VPTW
- Vụ Địa phương I, VPTW,
- Các BCS đảng, đảng đoàn,
- Các ban, UBKT, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(để b/c)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Vũ Đại Thắng